

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212; Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 36/2023/TLST- VDS ngày 02 tháng 10 năm 2023, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996

ĐKKHKT: Thôn CH, xã MK, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1992

ĐKKHKT: Thôn CH, xã MK, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Vợ chồng xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MK, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 13 tháng 02 năm 2015. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 11 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống không có hạnh phúc. Mặc dù đã cố gắng hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 01 năm 2023, vợ chồng quay lại chung sống với nhau và cho nhau cơ hội nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra nên vợ chồng tiếp tục sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, chị T không có thai nghén. Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị T và anh Đ thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về con chung:

Chị T và anh Đ thống nhất trình bày: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hữu T, sinh ngày 27/12/2015. Hiện nay, con đang ở với chị T. Khi ly hôn, chị T

và anh Đ thống nhất thỏa thuận: Chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung:

Chị T và anh Đ thống nhất trình bày: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Chị T và anh Đ thống nhất thỏa thuận: chị T chịu toàn bộ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu Đ.

- Về con chung:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu Đ công nhận: vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hữu T, sinh ngày 27/12/2015. Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu Đ tự nguyện thỏa thuận giao con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hữu Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu Đ thống nhất: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu Đ tự nguyện thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp toàn bộ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007380 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NC. Chấp nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện NC;
- Chi cục THADS huyện NC;
- UBND xã MK;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lê Xuân Tuyền

